

HỢP TUYỂN THÂN HỌC

TẬP PHỔ BIẾN THÂN HỌC, PHÁT HÀNH KHÔNG ĐỊNH KỲ

Số 38 & 39

Năm XV (2005)

CHỦ ĐỀ :

KINH TIN KÍNH

**Công Thức Biểu Trình
Đức Tin Công Giáo**

Bình Giải



HỢP TUYỂN THẦN HỌC

Tập phổ biến Thần học, phát hành không định kỳ

Chủ biên: M. Nguyễn Thế Minh, S.J.

Phụ biên: F. Gómez Ngô Minh, S.J.

Nhóm hợp tác: Phạm Văn Ái, S.J. (Úc Đại Lợi); Trần Đức Anh, O.P. (Ý Đại Lợi); Đỗ Quang Biên (Hoa Kỳ); Vũ Kim Chính, S.J. (Đài Loan); Phan Đình Cho (Hoa Kỳ); Đinh Đức Đạo (Ý Đại Lợi); Trần Văn Hoài (Ý Đại Lợi); Vũ Xuân Huyền (Thụy Sĩ); Trần Văn Khả (Ý Đại Lợi); Lại Văn Khuyến (Hoa Kỳ); Nguyễn Tiến Lãng, CSsR (Pháp); Trần Đình Nhi (Hoa Kỳ); Nguyễn Văn Phương (Ý Đại Lợi); Nguyễn Văn Sĩ, OFM (Ý Đại Lợi); Nguyễn Đoàn Tân, OFM (Hoa Kỳ); Phan Tấn Thành, O.P. (Ý Đại Lợi); Hoàng Minh Thắng (Ý Đại Lợi); Nguyễn Chí Thiết (Pháp); Nguyễn Đức Thụy, S.J. (Úc Đại Lợi); Trần Ngọc Thu (Vatican); **Bùi Hữu** Thư (Hoa Kỳ); Nguyễn Trọng Tước, S.J. (Hoa Kỳ); **Phạm Minh Ước**, S.J. (Úc Đại Lợi); Phạm Văn Vương (Phi Luật Tân).

Tòa soạn: 42 rue de Grenelle – 75343 Paris Cedex 07 – France

☎: (01) 44 39 46 57 – fax: (01) 44 39 46 93

e-mail: mimisj@hth.org

Ấn hành: 3925 Tambor Road – San Diego, CA 92124 – USA

☎: (858) 571 7839 – hth@hth.org

Tổng quản: *Vietnamese Theological Association*

1609 Lozano Drive – Vienna, VA 22182 – USA

☎: (703) 281 7929 – hth@hth.org



Số 38&39 Năm XV (2005)

DƯỚI THỜI PHONGXIÔ PHILATÔ

Chịu nạn đòi quan Phongxiô
Philatô,
chịu đóng đinh trên cây Thánh
Giá,
chết và táng xác, xuống ngục tở
tông.

*Vì chúng tôi Người chịu đóng
đinh vào thập giá dưới thời
Phongxiô Philatô,
Người chịu khổ hình và mai
táng.*

Tín biểu các tông đồ tóm tắt lịch sử Đức Kitô bằng hai chữ: sinh ra và chết đi. Phần cuối đời được giải rộng bằng năm động từ: chịu nạn, đóng đinh, chết, táng xác và xuống ngục. Tương tự như bốn cuốn Phúc âm, đoạn kết cuộc đời là chết, được diễn tả rất tỉ mỉ, đến nỗi nhiều học giả cho Phúc âm là chuyện viết cuộc thương khó với phần mào đầu rất dài và đoạn kết ngắn cụt. Biến cố thập giá đã được ghi sâu vào trí óc của Giáo hội sơ khai, bởi đó là vụ bất công tày trời, gây khổ đau quá đáng thì làm sao mà quên cho được, và bởi đó là con đường dẫn đến chiến thắng phục sinh. Quả vậy, thập giá đã trở thành biểu tượng của Kitô giáo.

PHONGXIÔ PHILATÔ

Đọc Kinh Tin Kính, nhiều tín hữu sẽ thắc mắc về tên Phongxiô Philatô... Trong công thức ngắn này chỉ có ba tên: Đức Giêsu, Đức Maria và Phongxiô Philatô! Ông Philatô là ai và tại sao lại có mặt ở đây? *Pontius Pilatus* là giám quản (*Praefectus*) xứ Giuđêa từ năm 26 đến năm 36, dưới triều hoàng đế Rôma là Tiberius (năm 14-37). Trong phạm trù Rôma, Philatô nằm ở bậc thứ 5, có bề trên trực tiếp là thống đốc xứ Xyria; ông có nhiệm vụ bảo đảm an ninh trong xứ sỏi nổi này, gồm miền Giuđêa, Samaria và Idumêa. Nhiệm kỳ của giám quản là 3 năm, nhưng Philatô tại chức được 10 năm; như thế có nghĩa là ông đã làm cho chính phủ trung ương hài lòng. Hành dinh của ông ở Xêdarêa, và chỉ có mặt ở Giêrusalem

dịp các lễ lớn để nếu cần thì xử lý những vụ rối loạn có thể xảy ra với số người đông đảo về dự lễ. Quân đội của ông đếm được khoảng 4.500 lính, không phải là *legio* Rôma (chính quy), song là những đơn vị quân đội địa phương.

Lịch sử thường nói xấu về Philatô, tố cáo cho ông là người ác độc và áp bức. Có lẽ ông là nhà chính trị khéo, biết cách kết cấu với phái Saduxêô, nhất là với Caipha. Để xung đột xảy ra với dân Do thái vì lý do cả xã hội lẫn tôn giáo, ông bị thống đốc Vitellius tước chức và tống về Rôma đầu năm 37; ông đến thủ đô ba ngày sau khi Tiberius băng hà, rồi Caligula lên kế vị; từ đó, lịch sử không còn biết gì về Philatô nữa. Có nhiều ngụy thư viết về ông, nhưng chẳng có giá trị gì về mặt khoa học. Lại thay, Giáo hội Êthiôp coi Philatô là vị tử đạo và mừng lễ ngày 25 tháng 7; còn Chính thống giáo thì đã phong thánh cho vợ ông là Procula.

Vậy, ông Philatô đóng vai trò gì trong Kinh Tin Kính? Một vai trò thật quan trọng: làm chứng cho sự thật lịch sử về Đức Giêsu. Sự việc cứu chuộc là biến cố đã xảy ra vào một ngày, một tháng và tại một nơi chốn cụ thể mà bất cứ ai cũng có thể kiểm tra. Bóng ma Philatô đánh đuổi mọi giả thuyết có tính ảo thần, ngộ giáo, hay phi lịch sử. Vì thế, thánh Inhã Antiôkia († 107) đã viết như sau cho các tín hữu Tralles: Phải tin là “Đức Giêsu-Kitô, thuộc dòng dõi Đavít và con của bà Maria, đã thực sự sinh ra, ăn uống; thật sự bị bách hại thời quan Phongxiô Philatô; thật sự bị đóng đinh và chết trước mắt thiên hạ cả ở trên trời, dưới đất và trong địa ngục; quả vậy, Ngài bị đóng đinh vào thập tự dưới thời quan Philatô và tiểu vương Hêrôđê, và thành quả của cuộc thương khó diễm phúc ấy là chúng ta.” Và thánh Augutinô giải thích: nêu tên quan thẩm phán là Kinh Tin Kính muốn cho mọi người biết được chắc chắn về ngày tháng...

Philatô còn giữ một vai trò khác nữa: làm nổi bật mẫu gương Đức Giêsu, mẫu gương “chứng nhân trung thực” (Kh 1:5). Nhà chú giải tin lành O. Cullmann thấy rằng: ở đây, “Phongxiô Philatô”

là như “lời hô hào” khuyến khích các kitô hữu bị đàn áp, bách hại hãy đứng vững như Thầy mình. Thánh Phaolô đã từng viết cho Timôthê về “chúng tá trung thực” ấy: “Trước mặt Thiên Chúa là Đấng ban sức sống cho mọi loài, và trước mặt Đức Kitô Giêsu là Đấng đã làm chúng trước tòa tổng trấn Phongxiô Philatô bằng một lời tuyên xưng cao đẹp, tôi truyền cho anh: hãy tuân giữ điều răn của Chúa mà sống cho tinh tuyền...” (1 Tm 6:13). Philatô là đại diện của các nhà cầm quyền chính trị thường hiệp đáp và giết chết sự thật (tôn giáo cũng như nhân quyền) nhân danh lý do an ninh quốc gia...

CHỊU ĐÓNG ĐINH TRÊN CÂY THÁNH GIÁ

Trong cuộc đời Đức Giêsu không có gì chắc chắn hơn sự kiện này. Ngài bị kết án do hai tòa tôn giáo và dân sự rồi bị hành quyết theo thủ tục Rôma.

Nguồn liệu chính về biến cố ấy là bốn Phúc âm với bốn trình thuật về cuộc tử nạn và sống lại của Đức Kitô. Các phần khác trong Tân Ước không cho biết thêm gì mới, nhưng chỉ củng cố những điều Phúc âm ghi lại. Ngoài Kitô giáo, có một ít tài liệu Do thái và lịch sử Rôma ám chỉ đến cuộc Đức Giêsu chịu tử hình thập giá. Trong thời ấy, án phạt tử hình như thế là điều hổ thẹn không chỉ cho tội nhân mà còn cho bất cứ ai có liên hệ với tội nhân; dù vậy, không bao giờ Kitô giáo phủ nhận sự kiện, vì thực sự, mọi việc đã xảy ra như thế. Không chỉ có bằng chứng của bốn Phúc âm và toàn bộ Tân Ước không thôi, mà còn có tài liệu làm bằng của sử gia Rôma là Tacitus, còn có quyển *Talmud* của Do thái ám chỉ đến sự kiện. Một điều chắc chắn thứ hai là Ngài đã bị kết án do hai tòa Do thái và Rôma, dù là vì những lý do khác nhau. Tân Ước có khuynh hướng cho rằng trong vụ xử án này, nặng nhất là trách nhiệm của các lãnh tụ Do thái, và biện giải cho nhà cầm quyền Rôma. Gioan ghi lời của Đức Giêsu nói với Philatô: “Kẻ nộp tôi cho ngài thì mắc tội nặng hơn” (Ga 19:11; x. Lc 22:4-5; Cv 3:13; Mc 15:10; Mt 27: 18). Hiện nay, có một số học giả muốn tha bổng cho

phía Do thái và đổ hết tội vạ lên đầu Philatô. Đã đành, Phongxiô Philatô là người nhát hèn, không dám sống sự thật và để cho người vô tội bị giết chết; tuy nhiên, tòa Công nghị Do thái (*Sanhedrin*) không phải là không có trách nhiệm đối với vụ án tử của Đức Giêsu. Còn về ngày tháng, lịch sử thường nhận là ngày thứ sáu, mồng 7 tháng 4 năm 30; một số ít sử gia khác thì cho là thứ sáu, mồng 3 tháng 4 năm 33. Theo Gioan, trong lịch Do thái thời bấy giờ đó là “ngày áp lễ” Vượt qua, tức ngày 14 tháng Nisân (x. Ga 19:31), nhưng theo Tin mừng Nhất lãm thì ngày đó là ngày 15 Nisân, tức chính ngày lễ Vượt qua (x. Mc 14:12-17tt). Hai ý kiến đều có thể đúng, lịch sử không biết chắc chắn.

Một dữ liệu thứ ba cần nghiên cứu, đó là lý do tại sao Đức Giêsu bị kết án. Khi suy luận về sự việc Đức Giêsu bị án chết, các học giả thường rút kết luận tùy theo thành kiến hay quan điểm riêng của họ. Thời xưa, có khuynh hướng đổ tội cho Do thái; còn ngày nay thì đổ tội cho Rôma. Cả hai đều sai lầm nếu không chịu chấp nhận điều hiển nhiên này: chính vì cuộc sống của Ngài mà Đức Giêsu đã bị giết chết. Theo Phúc âm thì nhiều vụ xung đột đã xảy ra giữa Đức Giêsu với các nhóm nắm quyền hành trong xã hội Do thái thời đó; nhiều hoạt động của Đức Giêsu đã khiến giới cầm quyền đâm ra nghi kỵ, thậm chí còn ghét Ngài; và cũng đã có những lần họ tố cáo Ngài phạm thượng hoặc xúc phạm đến Đền thờ, v.v. Nếu có một “phong trào Giêsu” coi như đã xuất hiện qua việc hàng loạt những đám đông lớn hào hứng theo Ngài, thì cũng có thể có sự việc công an của Hêrôđê và Philatô đề tâm theo dõi. Thoạt đầu, có thể nghĩ rằng những động cơ thúc đẩy quyền bính Do thái và Rôma thì khác nhau; và cả hai đều có cơ để mà tổng khứ Đức Giêsu. Theo Tin mừng, Philatô kết án Đức Giêsu vì cho rằng Ngài có tội tự xưng là vua dân Do thái; còn Công nghị Do thái thì kết tội vì cho là Ngài nói phạm thượng. Trong cả hai trường hợp, án lệnh đưa ra như thế không phải là do ngẫu nhiên hoặc do nhầm lẫn đáng tiếc: đó là hậu quả coi như đương nhiên của những gì Đức Giêsu đã nói và đã làm mà người ta không chịu mở lòng để

hiều.

a) Về phương diện *chính trị*, có bằng chứng gì chống lại Đức Giêsu không? Quyền binh Rôma đã tỏ ra bối rối. Philatô đã truyền lệnh ghi tội và như sau trên đỉnh thập tự: “Giêsu Nadarét vua dân Do thái.” Chi tiết này là hoàn toàn chắc chắn về phương diện lịch sử. Có kẻ cho rằng Đức Giêsu là một nhà cách mạng, đứng đầu một nhóm du kích “nhiệt tâm” (*zelót*). Hẳn là không phải thế; tuy nhiên, hoạt động của Ngài đã có thể xem ra như vậy dưới con mắt đa nghi của công an Rôma. Họ quen quét sạch những nhóm như vậy. Mặt khác, trong xã hội Do thái, tôn giáo và chính trị chỉ là một; vì vậy, hành vi “tôn giáo” của Thầy Giêsu chắc hẳn bị coi là một cuộc vận động “chính trị.” Không ai nghi ngờ về sự việc Đức Giêsu là người ái quốc, hằng để tâm lo lắng cho số phận của đồng bào mình. Muốn đổi mới tình trạng xã hội của dân tộc, tất phải phê bình những ai có trách nhiệm; và đồng thời phải đề xuất những biện pháp cải thiện (biện pháp có thể là chính trị hay tôn giáo, nhưng đối với người Do thái thì cả hai chỉ là một; không thể nào họ phân biệt được giữa hai phạm vi).⁴ Theo Phúc âm, trước tòa Rôma – vì lý do hiển nhiên – các lãnh tụ Do thái chỉ tố cáo Đức Giêsu về những tội chính trị. Mc 15:2 thuật là Ngài bị tố cáo về “nhiều tội,” nhưng trọng nhất là tội “tự xưng là vua dân Do thái.” Theo Ga 19:12-16 lời buộc tội này khiến Philatô phải nhượng bộ. Lc 23:2 còn ghi thêm một vài tội chống đế quốc: “sách động dân chúng và ngăn cản nộp thuế.” Đức Giêsu đã từng bị liên lụy vào một chuyện thuế má (x. Mc 12:13-17tt); nhưng Ngài đã chẳng làm gì có thể gọi là phạm pháp. Sự kiện Đức Giêsu bị treo giữa “hai tên cướp” (x. Mc 15:27) – cách gọi những quân du kích – cũng ám chỉ đến lý do “an ninh quốc gia” của vụ án. So sánh Thầy Giêsu với tên Barabba, kẻ phiến loạn đã từng gây nhiều vụ nổi dậy (x. Mc 15:6tt), là Philatô đặt cả hai tội phạm trên cùng một bình diện. Dù sao, trong cuộc đấu tranh giành quyền lực giữa Philatô và các thượng tế, Đức Giêsu đã bị lợi dụng để làm cái cớ, với kết quả là Ngài trở thành nạn nhân của hai phía đối địch thù ghét nhau.

b) Trách nhiệm của Công nghị Do thái cũng thật là lớn. Có kẻ tưởng rằng tòa này là tòa án tôn giáo, tương tự như tòa án của Giáo hội; nghĩ thế là lầm lớn. Đế quốc Rôma chủ trương để cho các giới cầm quyền địa phương (của các dân tộc) có được tối đa quyền tự trị; ở Giêrusalem, Công nghị Do thái có quyền rất rộng về mặt tôn giáo/tư pháp. Tân Ước gán tội trước hết cho tòa này, và nhấn mạnh nhiều tới điểm này, có lẽ là vì các tác giả đã biên soạn trong thời quyền bính Do thái đang gây nhiều khó dễ cho Giáo hội (x. 1Tx 1:14-16). Sau này, suốt bao thế kỷ nhiều kitô hữu đã tố cáo dân Do thái nói chung vì tội “sát thần,” với kết quả là đã đẩy lên thái độ bài Do thái gây nhiều khổ đau cho dân tộc này (x. NA 4). Sau thế chiến thứ hai, vì tội ác của chế độ xã hội chủ nghĩa quốc gia chống người Do thái, nhiều học giả Tây phương đã làm như bị dày vò bởi một thứ mặc cảm tội lỗi và muốn bào chữa cho quyền lợi của Do thái. Tuy nhiên, bằng chứng Tân Ước nêu ra thật quá rõ, cho thấy là Đức Giêsu cũng đã bị kết án vì cả lý do tôn giáo nữa.

Thái độ của Đức Giêsu đối với Luật, đối với ngày Sabát, đối với “các tội nhân,” v.v. đã khơi dậy nhiều cuộc tranh luận với giới biệt phái và thông luật. Những lần trừ quỷ được họ giải thích như là ma thuật hoặc tệ hơn nữa, như là những hành động của tay sai quý vương Bêendêbun (x. Mc 3:22tt). Khi Đức Giêsu tha tội (x. Mc 2: 7tt) hoặc cố giải bày quan hệ của mình với Thiên Chúa (x. Ga 10: 36), Ngài bị tố cáo là phạm thượng. Mà hình phạt dành cho tội phạm thượng là tử hình. Ngoài ra, tòa Công nghị Do thái cũng phụ trách cả vấn đề an ninh dân sự; thế thì chẳng có gì là lạ: một khi đã chứng kiến thái độ, lời dạy và hành động của Thầy Giêsu, thì làm sao họ lại không cho là Ngài nuôi ý đồ chính trị, và vì thế, đối với họ, Ngài quả là một mối nguy cho toàn dân. Nhận xét Cai-pha long trọng đưa ra (x. Ga 11:47tt) đã được coi là chí lý, và lập tức trở thành lý do tinh vi biện minh cho án quyết giết Đức Giêsu: chỉ vì “đại sự” quốc gia...

Hiện giờ, có người đặt vấn đề về phiên tòa nói trên của Công

ngộ Do thái. Bốn Phúc âm đều trình thuật về sự việc Đức Giêsu bị điệu ra trước tòa án của Thượng hội đồng Do thái (x. Mc 14:53tt; Ga 18:13tt). Quyết định giết Đức Giêsu là do thượng tế Caipha thuộc phái Xaduxê, đưa ra (x. Ga 11:50). Đội lính đến bắt Đức Giêsu ở Ghết-sêmani là thuộc quyền chỉ huy Do thái (x. Mc 14:43tt). Tại tòa, Đức Giêsu bị kết án phạm thượng và vì thế đáng phải chết (x. Mc 14:64tt). Tại sao lại phạm thượng? Vì dù chỉ là người phạm mà Đức Giêsu lại tự đặt mình ngang với thần thiêng: “Các ông sẽ thấy Con Người ngự bên hữu Đấng Toàn Năng”; đó là điều loài người không được phép. Đã kết án rồi, họ có thể giết Ngài không? Họ cho là không (x. Ga 18:31: vì các chúng gian không ăn khớp với nhau?), nhưng sau này chính họ lại kết án rồi xử tử Stêphanô (x. Cv 7:58) và Giacôbê (x. Cv 12:2). Trong trường hợp Đức Giêsu, có lẽ họ muốn đóng đinh Ngài trên thập giá để tận diệt trọn bộ phong trào từ trong trứng nước; nhưng quyền đóng đinh lại nằm trong tay một mình Philatô; vì thế, họ nộp Ngài cho tòa dân ngoại. Các tông đồ sẽ nhắc lại cho dân Do thái rõ là họ đã nộp Đấng Công chính cho quan Philatô (x. Cv 2:23; 3:13; 13:28). Rốt cuộc, trong việc này, vai trò của Thượng hội đồng là vai trò quyết định chủ yếu.

VÌ CHÚNG TÔI

Tin biểu Nixê nhắc lại “vì chúng tôi” để cho thấy tất cả những gì Đức Giêsu đã làm trong suốt đời đều là “vì chúng tôi”, đặc biệt là cuộc tử nạn. Ngài đã tự do chấp nhận khổ nạn và chết chóc vì tình yêu đối với Cha Ngài và đối với nhân loại mà Cha Ngài muốn cứu vớt: “Không ai lấy được mạng sống của Thầy, nhưng Thầy tự ý thí mạng sống mình” (Ga 10:18).

Các môn đồ sùng sốt, không hiểu được tại sao Thầy mình lại bị giết trên thập giá. Đến hai thế hệ sau, các môn đồ vẫn còn vật lộn với cơ vấp phạm ấy (x. 1Cr 1:23). Phúc âm Máccô làm như quan niệm cuộc khổ nạn và tử nạn của Đức Giêsu là thí dụ điển hình và bi thảm nhất của sự việc Thiên Chúa im hơi lặng tiếng; không một

ai thấy ra được ý nghĩa gì.

Truyền thống Do thái tuyệt nhiên không nói gì đến một Đấng Thiên sai (*Messiah*) bị dân từ chối, kết án và giết đi. Sau Phục sinh, cộng đoàn môn đồ mới ý thức ra là thập giá phải có một ý nghĩa; nhưng ý nghĩa đó là gì? Trước hết, họ coi thập giá như một cuộc thử thách Đấng Thiên sai phải trải qua, và việc sống lại như bằng chứng Ngài đã thắng cuộc. Đào sâu và tiến xa hơn, họ lồng biển cổ ấy vào trong “mâu nhiệm cứu độ,” tức muốn nói rằng: “Đức Giêsu đã bị nộp, theo kế hoạch Thiên Chúa đã định và biết trước” (Cv 2:23; 4:28). Thành ra cuộc tử nạn không phải là vô lý, không phải là dấu chứng của bất lực, trái lại, đó là “sức mạnh và khôn ngoan của Thiên Chúa” (1Cr 1:24). Nói khác đi: là một phương thức cứu độ. Dựa vào các tiền đề như thế, Luca kết luận rằng: “Đức Kitô phải chịu khổ hình như thế rồi mới vào trong vinh quang” (Lc 24:26). Để đạt đến được lòng tin kiên vững này, tất họ đã phải cần đến ánh sáng đức tin và ơn trợ giúp của Thần Khí: kết luận như thấy trên đây là bởi trên xuống, chứ không thể là kết quả của nỗ lực suy tư tự nhiên. Các bản văn tường thuật cuộc tử nạn đều có chứa đựng một dạng thần học giải thích về biển cổ. Máccô đặt nền tảng cho một học thuyết thần học về kế hoạch cứu độ: Đức Giêsu biết trước số phận khổ đau ấy (x. Mc 14:8.18-21.27-31). Với thái độ chấp nhận hoàn toàn tự do (x. Mc 8:31; 14:42), Ngài đã chịu khổ như người công chính vô tội (x. Mc 14:55). Thêm vào đó, các tác giả Máccô và Matthêu phát hiện một tầm trọng yếu vũ trụ quan tiềm ẩn ở trong biển cổ (x. Mc 15:33; Mt 26:52t); quả thế, đó là trận chiến giữa Thiên Chúa và Satan (x. Mt 16:23; Lc 22:3.31.52; Ga 14:30). Chung cục, cuộc tử nạn là giờ phút quyết định của lịch sử cứu độ, lúc mà các lời tiên tri được ứng nghiệm (x. Tv 22; 41; 69; 87; Is 53; Dcr 13).

Bây giờ mới hiểu tại sao diễn rở của thập giá chính là khôn ngoan khôn ví của Thiên Chúa (x. 1Cr 1:23tt); bởi lẽ sự kiện lịch sử ấy chính là yếu tố cấu tạo nên mâu nhiệm Đức Kitô và kế hoạch

cứu độ (x. Pl 2:8). Hơn nữa, Con Thiên Chúa bị giết chết trên thập tự là trường hợp điển hình và tiêu biểu nhất trong các “đường lối” khôn lường của Thiên Chúa, của khôn ngoan sâu thẳm không ai dò cho thấu (x. Rm 11:33). Kinh Thánh cho thấy phong cách hoạt động của Thiên Chúa đối với loài người theo dạng nghịch lý, như Phaolô đã cắt nghĩa cho tín hữu Côrinthô (1Cr 1:26tt). Thập giá cho thấy Thiên Chúa dùng một vật ô uế nhất là xác chết (x. Lv 21:11), làm nguyên nhân thanh luyện loài người. Vật bị nguyên rủa đối với Luật (“Khi một người có tội đáng phải án chết đã bị xử tử và anh em đã treo nó lên cây thì xác nó không được để qua đêm trên cây, nhưng phải chôn ngay hôm ấy, vì người bị treo là đồ bị Thiên Chúa nguyên rủa...”: Đnl 21:22-23), thì Thiên Chúa đã dùng để mà cứu lấy con người cho khỏi bị nguyên rủa (x. Gl 3:13). Lòng ghen tương thù hận đã giết chết Đức Kitô, thì Thiên Chúa đã dùng để phá hủy sự thù ghét (x. Ep 2:14.16) và để mạc khải tình thương vô biên của Người đối với thế gian (x. Ga 3:16), v.v.

Vậy, trong dạng Kitô học cao của ngài, Gioan đã có thể kể cuộc tử nạn như là hành trình vinh quang: từ lúc khởi sự (“Tôi là”: Ga 18:5) cho đến giờ kết thúc (“Ngài trao Thần Khí”: Ga 19:30), Đức Kitô đã bước lên nơi “nâng cao” (Ga 3:14.15; 8:26; 12:32). Trong khi Máccô diễn tả kinh nghiệm của con người Giêsu, thì Gioan lý giải về ý nghĩa và kết quả mang lại cho chúng ta. Thực vậy, đối với Gioan, cuộc tử nạn là giờ trở về với Chúa Cha (x. Ga 13:1). Trong Phúc âm thứ tư, ý niệm “giờ” giúp cho hiểu tấn bi kịch thập giá. Văn chương khai huyền Do thái đã quan niệm “giờ” như là lúc quyết định của lịch sử, khi Thiên Chúa can thiệp để diệt trừ sự dữ trong lịch sử (x. Đnl 11:35.40.45). Giờ ấy là giờ của Đức Giêsu; và vì “giờ” là thành tố trong kế hoạch Thiên Chúa, nên không gì và không ai có thể thay đổi “định mệnh” ấy được, dù là Mẹ Maria cũng không (x. Ga 2:4), các kẻ thù cũng không (x. Ga 7:30; 8:20). Đó là giờ Con Người phải bị nộp trong tay kẻ tội lỗi (x. Mt 26:45), và vì thế, là giờ ghê sợ đến nỗi Đức Giêsu đã cảm thấy hải hùng xao xuyên (x. Mc 14:33) và quay về với *Abba*, Cha Ngài, xin cho được miễn, nhưng tùy ý Cha. Ngài vâng lời và chấp nhận ý ấy (x.

Mc 14:36; Ga 12:27; Pl 2:8) vì, dù bên ngoài xem ra “là giờ của quyền lực tối tăm” (x. Lc 22:53), nhưng thật sự là giờ phát sinh nguồn suối ơn cứu độ, tựa như khi sắp sinh con thì người đàn bà lo buồn vì đến giờ của mình, nhưng sau khi sinh thì vui mừng bởi có được một sự sống mới (x. Ga 16:21). Chết đi là điều kiện để hạt giống sự sống nảy sinh (x. Ga 12:24).

Dẫu không thể quên phần đóng góp lớn lao của một số nhà tư tưởng (như Gioan và Phaolô) cho nỗ lực suy tư nói trên; tuy nhiên, phải nói cho rõ rằng môi trường đã làm nảy sinh những ý niệm mới ấy là chính “cộng đoàn Tạ ơn” sống trong hoàn cảnh bị đàn áp. Thật là điều lạ lùng: có rất nhiều bài tụng ca về cuộc tử nạn của Đức Giêsu đã được ghi lại trong các bức thư của Tân Ước, đặc biệt là Pl 2:6-11; 1Tm 3:16; 1Pr 1:19-21; 2:21-14; 3:18-22. Giáo hội cử hành Thánh Lễ để “loan truyền Chúa đã chịu chết, cho tới ngày Ngài lại đến” (1Cr 11:26). Như Phaolô đã cắt nghĩa, ai tham dự vào bữa ăn Tạ ơn và ăn thịt cùng uống máu Chúa, là tham dự vào cái chết của Ngài. Phụng vụ Tạ ơn là một cách diễn trình trở lại vụ kiện qua đó thế gian phán xét Đức Kitô, và ngược lại, cũng diễn trình vụ kiện qua đó Đức Kitô phán xét thế gian. Ai sống như Đức Kitô thì kết án thế gian, ai sống theo thế gian thì kết án Đức Kitô; ấy là kinh nghiệm Kitô sơ khai (x. 1Cr 11:28-32; Dt 6:6).

Hơn nữa, trong Phụng vụ Tạ ơn, Kinh Thánh được đọc lên và giải thích, như là nguồn sự thật và ánh sáng mang lại ý nghĩa cho lịch sử. Theo kiểu mẫu cử hành của nghi thức Do thái, hình như trong ngày áp lễ vượt qua, cộng đồng Kitô cũng đọc kỹ thuật về cuộc khổ nạn của Đức Giêsu. Trong bối cảnh ấy – và nhất là khi họ đang sống giữa cơn bách hại (x. Cv 4:3tt; 5:18; 6:12tt v.v.; 1Tx 2:14tt; 1Pr 3:13-17, v.v.) – kỷ niệm được gọi lên sống động, làm cho họ nghiệm thấy được sâu xa và thấm thía, thân phận của Đức Giêsu cũng như ý nghĩa thâm thúy của biến cố ấy.

a) “*Theo Kinh Thánh*”

Công thức tuyên tín cổ xưa nhất được ghi lại trong 1Cr 15:3-5, khẳng định rằng các biến cố chết và sống lại của Đức Kitô đã xảy ra “đúng như lời Kinh Thánh.” Như thế là muốn nói Đức Giêsu đã chết theo kế hoạch Thiên Chúa, bởi vì ý định cứu độ của Thiên Chúa đã được ghi chép trong Sách Thánh. Lúc đầu, chỉ nói chung là “Kinh Thánh,” mà không trích dẫn xuất xứ (x. Lc 24:27). Để tìm cho thấy được những lời cụ thể, các môn đồ đã phải vượt quá “văn tự” để đạt tới “tinh thần” của văn bản. Và như thế, họ nhận ra là các bạn hữu của Thiên Chúa, đặc biệt là các ngôn sứ, đều đã phải chịu số phận bi đát (x. 1V 19:10; Nhm 9:26). Đức Giêsu đã nhận chịu số phận đó. Ngài ý thức điểm này rất sớm (x. Mt 5:12) và không tìm cách để tránh né (Mt 23:37tt). Lúc đầu, các môn đồ đã không hiểu, họ sợ hãi (x. Mc 10:32); nhưng hiện giờ, trong cơn bách hại và đàn áp, họ đã ý thức được rằng sống cảnh ngộ ấy là chia sẻ số phận của Thầy mình (x. Mt 10:25). Số phận của người công chính thì đầy cay đắng, khó nhọc (x. Kn 2:10-12), mà có ai công chính cho bằng Đức Giêsu: Ngài chẳng có tội (x. 2Cr 5:21). Do ý định nhiệm mầu, chính Thiên Chúa “trao nộ” người công chính cho kẻ ác (x. G 16:11; Ed 23:28). Có lẽ đó là ý nghĩa của Mc 9:31 (*paradidotai*, “bị trao nộ,” biểu đạt theo dạng bị động, cho hiểu ngầm chủ từ chính là Thiên Chúa): bởi yêu thương, Chúa Cha “đã chẳng tha Con Một, nhưng đã trao nộ vì chúng ta” (Rm 8:32). Bao nhiêu điều ăn khớp với nhau như thế đã làm cho Giáo hội sơ khai suy nghĩ. Đức Giêsu đã được công nhận là Đấng công chính, “Đấng Thánh của Thiên Chúa” (Mc 1:24), và sau Phục sinh các tông đồ đã nhắc lại dữ kiện này cho dân chúng (x. Cv 3:14). Mà Đấng công chính ấy lại sống trong một xã hội mà Tt 3:3 miêu tả như là “ngu xuẩn, không vâng lời, lảm lạc, làm nô lệ cho đủ thứ đam mê và khoái lạc, sống trong gian ác và ganh tị, đáng ghét và ghen ghét lẫn nhau,” thì làm sao lại không bị trở thành nạn nhân của thế giới ấy, vì sự hiện diện của Ngài là một lời kết án đập mạnh vào lương tri (x. Kn 2:10-20). Linh hội rõ sự kiện này, Gioan đã ví Đức Giêsu như là bia của lòng căm ghét (x. Ga 7,7; 15:18.24-5),

như ánh sáng bị kẻ gian ác không ưa thích (x. Ga 3:20). Kinh Thánh đã ghi lại nhiều tỷ dụ, như Abel là nạn nhân của Cain ghen ghét (x. St 4:1-8), như Giuse bị các anh khừ trừ (x. St 44), như Itraen bị Ai cập thù ghét (x. Tv 105:25), như các tiên tri (x. IV 22:8) bị bách hại, làm như bị Thiên Chúa bỏ rơi; chính Giêrêmia cũng đã cảm nghiệm như thế (x. Gr 17:15tt). Mệnh phận của Đức Giêsu ăn khớp trọn vẹn với khuôn mẫu ấy.

Vốn gồm toàn là người Do thái, cộng đoàn kitô đầu tiên đã phải dựa vào Kinh Thánh (Cựu Ước) để củng cố đức tin và biện giải sự kiện Đức Giêsu cho đồng bào mình; vì thế, họ cố tìm cho ra những đoạn Kinh Thánh có sức dẫn chứng. Trong phần kỹ thuật về cuộc tử nạn, Máccô đã ám chỉ đến Kinh Thánh cách chung (x. Mc 14:21.49) và minh nhiên trích dẫn Dcr 13:7 (x. Mc 14:27), nhưng cũng đã mặc nhiên ám chỉ đến nhiều câu, nhiều đoạn trong Kinh Thánh (x. Mc 14:18. 24.34.62; 15:34). Sau đó, Matthêu và Luca đã trích dẫn Cựu Ước nhiều hơn.

Như vậy, Kinh Thánh đã đưa dẫn Giáo hội sơ khai đến chỗ khám phá ý nghĩa của biến cố xem ra vô lý ấy. Thoạt đầu, biến cố được đón nhận qua lòng tin thuần túy, như là ý định của Thiên Chúa; rồi sau đó mới nhận ra rõ là toàn bộ Kinh Thánh (hoặc "tinh thần" của Kinh Thánh) đã tiên báo và làm chứng về biến cố thập giá (x. Mc 9:12tt; Lc 24:26); và cuối cùng, chính những lời Kinh Thánh, đặc biệt là Is 53 và Tv 22, đã trở thành một thứ đường nét dẫn đạo trong việc tường thuật về cuộc tử nạn và các biến cố liên hệ (x. Mt 27:46; Ga 12:38; Lc 18:31; Cv 8:32; 1Pr 2:22-23; v.v.). Nếu theo kế hoạch Thiên Chúa, Đấng Thiên sai *phải* chịu khổ nhục như thế, thì thập giá chính là khí cụ cứu độ; thế nên, chẳng những không làm cho hồ thẹn (x. 1Cr 1:20-25), thập giá còn mang lại cả một niềm hãnh diện lớn lao (x. Gl 6:14), và đó là con đường chúng ta phải hiện ngang dần bước vào (x. Dt 13:13).

Kinh Thánh không chỉ chứa đựng những lời có sức chứng dẫn, mà còn nêu ra nhiều mẫu tiên trưng để chỉ về Đức Kitô. Gọi là

“tiên trung” (*type, typology*) một biến cố, một nhân vật hoặc một điều nào đó được coi như đây ý nghĩa để mà giải thích một biến cố, một nhân vật hoặc một điều khác sẽ đến trong tương lai lịch sử cứu độ. Tỳ dụ: toàn bộ trình thuật về cuộc xuất hành giúp cho hiểu sâu xa hơn ý nghĩa của Thánh tầy bàn đến trong 1Cr 10:1-11. Xh 12:5 nói đến “con chiên không tỳ ố” chịu sát tế để cứu dân Thiên Chúa; cũng vậy, Đức Giêsu đã trở thành “chiên lễ Vượt qua của chúng ta” (1Cr 5:7). Sách Khải huyền giới trình Đức Kitô qua hình dạng “Con Chiên đã bị giết” (Kh 5:12, v.v.). Gioan giới thiệu Đức Giêsu như là “Con Chiên Thiên Chúa xóa tội trần gian” (Ga 1:29). Trên núi sọ, Ngài chết im lìm như con chiên (x. Cv 8:32). Nhưng kế hoạch Thiên Chúa phát xuất từ nguồn vĩnh cửu (x. Ep 1:3tt), vì thế con chiên này được hiểu như là “con chiên vẹn toàn, vô tỳ tích, Thiên Chúa đã chọn từ trước khi vũ trụ chưa được dựng nên” (1Pr 1:19); và hơn nữa, đã “bị giết” từ thuở tạo thiên lập địa (x. Kh 13:8). Khi chiêm niệm những tỳ dụ ấy trong Cựu Ước, Giáo hội hiểu rõ thêm về mầu nhiệm Đức Kitô. Theo cung cách ấy, Phúc âm đã lấy nhân vật Giôna ở trong bụng cá để tượng trưng cho Đức Kitô nằm trong mồ (x. Mt 12:41). Gioan so sánh rắn độc cắn trong sa mạc (x. Ds 21:8) với Đức Kitô bị treo lên thập giá (x. Ga 3:14). Còn nhiều nhân vật khác cũng được dùng làm tiên trung để giúp nhận ra và hiểu về công tác cứu độ của Đức Kitô, như Adam, Idaác, Giuse, v.v.

b) Tự hiến dâng chính mình

Liên quan với tiến trình nhận thức trên đây là việc coi biến cố Canvê như là một cuộc dâng lễ vật: Đức Giêsu tự hiến dâng chính mình lên Thiên Chúa làm lễ đền tội. Nguồn xuất xứ của ý niệm này là phụng vụ: “Đây là mình Thầy hiến tế vì anh em” (1Cr 11:24; Lc 22:19), “Đây là máu Thầy đổ ra cho muôn người được tha tội” (Mt 26:28). Người Con đã tự phó mình vào tay Chúa Cha, bởi Người “chẳng tha, lại trao nộp Ngài vì hết thảy chúng ta” (Rm 8: 32). Những công thức dưới dạng bị động như đọc thấy trong Mc

9:31tt; 10:33tt; 14:21tt; Lc 24:7, đều ám chỉ cho thấy Thiên Chúa là chủ tử của động tự “nộp,” và vì thế cuộc tử nạn mang một ý nghĩa nhiệm mầu, chỉ hiểu ra được trong ánh sáng của Thiên Chúa. Các nhân vật loài người hay quý thần đều không hiểu mình làm gì (x. 1Cr 2:8); tất cả chỉ hành động trên bình diện nông cạn; mặt thực sâu thẳm của biến cố diễn tiến ở trong Thiên Chúa. Ý niệm kia mang lại một cách nhìn mới về Thiên Chúa: Chúa Cha giết Con ư? Chúa Con chết đi ư? Thiên Chúa là như thế nào?

Theo đà suy tư ấy, thư Do thái giải thích sự chết của Đức Giêsu như là lễ hy sinh Thượng tế dâng lên Thiên Chúa một lần cho tất cả, để loài người được dứt khoát cứu chuộc (x. Dt 9:12). Tội đình của cứu độ học là đây.

c) “Vi tội lỗi chúng ta”

Nói cách khác, Đức Kitô đã chết “vi tội lỗi chúng ta,” như đã được ghi lại ở trong công thức tuyên tín xưa nhất (x. 1Cr 15:3). Đức Giêsu chết để đền tội và cứu chuộc loài người: đó là thâm tín điển hình của Kitô giáo, thâm tín đã được thánh Phaolô đặc biệt đào sâu, khai triển và giới thiệu, cũng như đã được ngụ ý trong hình bóng “con chiên Thiên Chúa xóa tội trần gian” (Ga 1:29), và có mặt trong toàn bộ Tân Ước, bắt đầu từ trình thuật về hài nhi Giêsu (x. Mt 1:21; Lc 1:77).

Công thức Tân Ước dùng để trình bày tư tưởng này là “cho chúng ta” hoặc tương tự: *hyper hemôn*, hoặc *hyper pollon* với ý nghĩa là “thay cho” hoặc “vi” chúng ta, “cho” hoặc “vi” tất cả; cũng có chỗ dùng giới từ *anti* tức “thay vì.” Những công thức này xuất hiện trong truyền thống từ những thời rất xưa, như thấy được trong 1Cr 15:3-5 và trong trình thuật về bữa tiệc ly (x. 1Cr 11:24; Lc 22: 19): “Đây là máu Thầy, máu Giáo ước, đổ ra vì muôn người” (Mc 14:24). Ý nghĩa này bắt nguồn từ chính Đức Giêsu, như thấy được qua lời Ngài nói: “Con Người đến không phải để

được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ, và hiến mạng sống làm giá chuộc muôn người” (Mc 10:24tt). Hẳn đó là lối diễn đạt quen thuộc đối với độc giả Tân Ước, vì trong văn hóa Hy Lạp và Rôma, “chết vì tổ quốc” hay “vì người bạn” được coi như là chuyện thông thường; cả đến việc “thí mạng sống” vì ai (nhất là vì tổ quốc) cũng có thể mang một ý nghĩa tôn giáo: được coi như một lễ tế xá tội để làm nguôi lòng các thần linh.

Để giải thích sự việc này, truyền thống thần học đã dùng đến thuật ngữ *đền tội thế thân*. Truyền thống Do thái đã biết đến ý niệm ấy, đặc biệt là từ thời bắt đạo dữ dội hồi thế kỷ 2 trước CN. Những người công chính chết vì đạo tất có ảnh hưởng rất lớn trên toàn dân. Trình thuật về các anh em Macabê nêu bật điểm này (x. 2Mcb 7:37tt; sách 4Mcb, ngụy thư của thời ấy, trình bày về điểm này rõ hơn nữa). Giáo hội đã tìm thấy hạt giống của tư tưởng thần học này ở trong phần đệ nhị Isaia (x. Is 42:1-4; 49:1-6; 50:4-9; nhất là 52:13-53:12): “Ngài đã bị đâm thâu vì chúng ta phạm tội, bị nghiền nát vì chúng ta lỗi lầm; Ngài đã chịu sửa trị để chúng ta được bình an, đã phải mang thương tích cho chúng ta được chữa lành” (Is 53:5).

Như đã thấy, rất sớm, truyền thống Kitô đồng nhất hóa Đức Giêsu với Người Tội trung trong Isaia (x. Cv 3:13.26; 4:27.30; 8:32-33). Có thể đó là cách hiểu của chính Đức Giêsu hoặc là của Phêrô (x. 1Pr 2:22-24; 3:18). Phúc âm nhất lãm đã tiếp nhận ý niệm này (x. Mc 10:45tt), lộ hiện rõ ở trong truyền thống riêng của Mt 8:17; 12:18-21, và ở trong Lc 22:37. Gioan cũng dùng nguồn liệu ấy, đặc biệt ở trong chương 10. Phaolô cũng vậy: xin xem Rm 4:25; 15:21. Đó là tỷ dụ điển hình về một nét của “giáo lý chung” trong Giáo hội.

Nói Đức Kitô chết vì tội lỗi là muốn nói Ngài đã “vác lấy” gánh nặng của tội lỗi, và vì thế đã phải lãnh trách nhiệm và chịu tội, bởi theo quan niệm Do thái, tội lỗi và hình phạt thì đi đôi, không thể tách rời khỏi nhau được. Ngài vô tội, nên tội lỗi ấy là tội con người phạm, nhưng bởi vì Ngài là thành phần của gia đình nhân loại tội

lỗi, nên Ngài ở trong thế liên đới với các tội nhân và phải gánh vác tội lỗi. Hơn nữa, vì Ngài là Adam mới, tức là Đầu của gia đình, nên Ngài nhận lấy trách nhiệm của tất cả, và “trở thành hiện thân của tội lỗi vì chúng ta” (2Cr 5,21), trở thành “đồ bị nguyên rủa” theo Luật (Gl 3:13); thế nên, Ngài đã nhận chịu chết (x. Ga 19:7; Lc 24:26).

Dùng phép ẩn dụ theo phụng vụ ở Đền thờ, Tân Ước hiểu sự chết của Đức Kitô như là hành động xá tội (*expiation*, Hylạp: *hilasterion*), “nơi xá tội” (Rm 3:25), tức muốn nói Đức Kitô trở thành lễ vật dâng lên Thiên Chúa trên bàn thờ thập giá, ngõ hầu đền tội cho chúng ta, làm cho Thiên Chúa “ngươi giận,” thương xót và thứ tha cho chúng ta. Đó là chủ đề của Thư Do thái: “Ngài trở thành một vị Thượng tế nhân từ và trung tín trong việc thờ phượng Thiên Chúa, hầu đền tội cho dân” (Dt 2:17; x. 9:26.28; 10:22; v.v.). Tư tưởng này cũng xuất hiện ở trong 1Ga 2:2.4.10.

Phép ẩn dụ phổ quát nhất là *chước tội*, hoặc mua lại (*redemption*), gặp thấy ở nhiều nơi trong Tân Ước (chẳng hạn Rm 3:24; Cl 1:14; Ep 1:7) với hai ý nghĩa: loài người trở nên tự do và trở thành tôi tớ (sở hữu) của Chúa. “Thiên Chúa đã trả giá đắt mà chuộc lấy anh em” (1Cr 6:20; x. 7:23; Gl 3:13; 4:5); “giá” ấy là máu của Đức Kitô (x. 1Pr 1:18; 2:9; Tt 2:14). Thần học phương tây đã lấy ý niệm này làm nền tảng cho Cứu độ học.

d) Giao ước mới

Nhìn mẫu nhiệm trong một nhãn giới khác, Tân Ước cũng đã hiểu sự chết của Đức Giêsu trên thập giá như là hy lễ thiết lập giao ước mới với Thiên Chúa. Trong Lễ Tạ ơn, lời của Đức Giêsu được nhắc lại: “máu của giao ước” (Mt 26:28; Mc 14:24), “của giao ước mới” (Lc 22:10; 1Cr 11:25). Như *Cựu Ước* (x. 2Cr 2:14) đã được ký kết bằng máu của lễ vật (x. Xh 24:8), thì *Tân Ước* cũng vậy. Thư Do thái khai triển rộng chủ đề này: trích dẫn Gr 31:31-34, tác

giả giới trình Đức Kitô trong tư thế là Thượng tế vĩnh viễn, dâng hiến chính mình lên Thiên Chúa để thiết lập một giao ước mới (x. Dt 8:8-10:31) bằng máu Ngài (x. Dt 9:12.14;12:24), là “máu giao ước” (Dt 10:29), “máu giao ước vĩnh cửu” (Dt 13:20). Trong tế lễ này, tư tế và hy lễ chỉ là một; và lại, là tư tế theo một cách thức mới, Đức Kitô dâng tiến hy lễ chỉ một lần là đủ, và vì thế, ký kết một giao ước tốt hơn, bởi là giao ước vĩnh viễn và phổ quát. Hy lễ thập giá của Đức Kitô đã làm cho những lời hứa của Kinh Thánh ứng nghiệm, đã thiết lập một quan hệ đặc biệt giữa Thiên Chúa và loài người, tức là mối kết nghĩa giao hảo như giữa Cha với con cái.

Đức Kitô chết đem lại cho chúng ta lợi ích gì? Nói chung là ơn tha thứ, ơn hòa giải với Thiên Chúa và với nhau: xưa kia là người ở xa, bây giờ chúng ta được ở gần với Chúa và với nhau (x. Ep 2:12-14). Tích cực hơn, người kitô được trở thành con cái Thiên Chúa, và nhờ thế, được kế thừa các lời hứa (x. Rm 8:17; Gl 3:29; Dt 6:12; v.v.). Xưa kia không phải là một dân, bây giờ là dân riêng của Thiên Chúa (x. 1Pr 2:9-10), được Người chọn làm nơi cư ngụ như là Đền thờ (x. 2Cr 6:16).

Kinh nghiệm của Đức Giêsu trong sự chết

Mâu nhiệm thập giá là mâu nhiệm Đức Giêsu bị hãm hại. Những khía cạnh thâm vi nhất của mâu nhiệm này tiềm ẩn ở tận trong cõi lòng sâu thẳm của Đức Giêsu, trong ý thức và trong chính bản thể Ngài. Đức Giêsu là thế nào thì Ngài cũng chết thế ấy: chết như con người, chết như Đấng Thiên sai, chết như Ngôi Lời nhập thể.

a. Con người Giêsu chết

Trong vườn Ghếtsemani, Đức Giêsu kinh hãi trước biến cố sắp xảy ra; là con người, Ngài không thể không run sợ khi nhớ lại những cảnh tượng khổ hình mà có lẽ Ngài đã từng mục kích nhiều lần. Năm 9 cn – tức là lúc Đức Giêsu trạc độ 15 tuổi – Giuda,

người Galilê, nổi loạn trong thời kiểm tra dân số (x. Cv 5:37); nhiều người đã bị đóng đinh. Suốt thời ấy, những nhóm hoặc du kích hoặc cướp đường hoặc cả hai, không ngừng hoạt động; hễ bị bắt là bị treo chết dã man trên thập tự. Dù – không chỉ vì bản năng bảo tồn như bất cứ sinh vật nào, mà còn vì sống lòng tin – Đức Giêsu thâm tín rằng “Thiên Chúa không làm ra cái chết, chẳng vui gì khi sinh mạng tiêu vong” (Kh 1:13), nhưng là con người, Đức Giêsu cũng kinh hãi khi phải chịu khổ nhục. Kinh khủng hơn nữa, theo truyền thống Do thái, chết là hết hy vọng, là xa cách nguồn sống, xa cách Thiên Chúa (x. Tv 6:6; 88:11-13; Is 38:18, v.v.). Người Do thái nào mà lại không than thở: “Từ thần hồi, nhớ đến người thật là cay đắng” (Hc 41:1). Sự chết là kẻ thù (x. 1Cr 15:26). Rồi, không những phải chết, Ngài còn bị giết chết nhục nhã, giữa tuổi thanh xuân, lúc còn ử áp biết bao dự tính về một tương lai huy hoàng, biết bao ước mơ còn chưa thành sự. Là “con người hoàn hảo” (GS 45), mà lại thấy mình sẽ phải trở thành một người tàn phế, “chẳng còn đáng vẻ, chẳng còn oai phong... bị đời khinh khi ruồng rẫy... ai thấy cũng che mặt lại, không nhìn” (Is 53:2-3), bị đồng bào thù ghét, bị tôn giáo kết án, bị bạn hữu chối bỏ: có gì buồn thảm hơn cho một cuộc đời tuổi trẻ đầy hy vọng! Lạ gì nếu theo bản tính tự nhiên, Đức Giêsu sợ hãi.

Sự chết nói lên tư chất thụ tạo và tính cách hữu hạn. Con người Giêsu mang trong bản chất mình một mối liên đới, mối liên đới với hết mọi thụ tạo khắp trong hoàn vũ, mối liên đới có tác dụng mạnh, một cách nhiệm mầu, trên ý thức Ngài. Và bởi Ngài là “trường tử của mọi loài thụ tạo, và tất cả đều tồn tại trong Ngài” (Cl 1:15-17), cho nên, theo cách nhiệm mầu ấy, cái chết của Ngài mang một chiều kích vũ trụ, tựa như muôn vật cùng chết với Ngài. Có lẽ đó là ý nghĩa của những điềm lạ xảy ra trong trời đất, vào chiều thứ sáu tuần thánh đầu tiên, khi Đức Giêsu tắt thở, như các Phúc âm đã ghi chép lại (x. Mc 15:33; Mt 27:45. 51-52; Lc 23:44-45). Mặt khác, chết còn là dấu chứng về thực trạng con người dính liú với tội lỗi và về tội trạng của loài người (x. Rm 5:12; 8:3); thấu cảm thấm

trạng ấy, làm sao Đức Giêsu lại không thấy đau buồn và ghê rợn đến tận xương tủy, vì hơn ai hết Ngài hiểu tội lỗi là gì, là phi lý đến độ nào, và đặc biệt là vì Ngài không có tội (x. 2Cr 5:21).

Chia xé và làm như hủy hoại mất đi cái tôi nơi con người, thế nên trong tâm trí loài người, sự chết mang hình tượng của một tấn thảm kịch, của một cuộc tàn phá bất công, của một hành động xâm lược bạo ngược. Trên thập giá, Đức Giêsu cảm thấy đau đớn, thống khổ hầu như tuyệt vọng, vì Ngài phải chết trong tâm tối, để uống cạn chén đắng đầy ắp tính chất vô lý của sự việc. Ngài hấp hối giữa khổ đau cực độ trong tinh thần và trên thể xác, khổ đau thực sự, chứ không phải “chỉ một phần nào” như là người đang sống trong niềm cực lạc của tình trạng hưởng kiến! Nếu chủ trương rằng Đức Kitô đã được hưởng kiến Thiên Chúa ngay khi còn sống nơi trần gian, thì khó mà giải thích cho được sự việc Ngài đã chịu khổ đau thật sự. Có giả thuyết cho rằng tâm lý Đức Giêsu có hai lớp tầng: tầng trên để hưởng cực lạc, tầng dưới để chịu khổ. Có giả thuyết khác lại nghĩ rằng tình trạng hưởng kiến “tạm tắt đi” trong thời gian chịu tử nạn. Còn khuynh hướng thiên về nhất tính luận và một số Giáo phụ thì nghĩ là để có thể chịu khổ, thì Đức Kitô đã phải làm phép lạ. Hoặc vì quá khâm phục lý tưởng *apatheia* (vô cảm, lạnh lùng) hoặc *ataraxia* (thanh tịnh) của phái khắc kỷ *Stoa*, các vị cho rằng Đức Giêsu kiên cường chịu mọi sự mà không thấy đau. Có kẻ lại coi Đức Giêsu như một thầy tu khổ hạnh Ấn độ (*fakia*), lấy chí khí mà khử tình cảm để không còn cảm thấy đau khổ; có tác giả viết: “Sri Ramakrishna thường nói rằng khi Đức Giêsu bị đóng đinh, Ngài tách rút tâm trí ra khỏi thể xác. Ngài ở trong một tâm trạng hoàn toàn khác, tâm trạng *samadhi*, tức siêu ý thức. Các đinh xuyên thủng thể xác, nhưng tâm trí không bị ảnh hưởng.” Những giả thuyết này là hậu quả của lối quan niệm nhập thể theo ảo thân thuyết. Nhưng không phải thế; Đức Giêsu có tâm lý và thân xác như mọi người, chịu khổ và chịu chết như một con người đích thực.

b. Đấng Thiên sai chết

Đức Giêsu ý thức rõ mình được sai đi, là “phái viên,” là Mêsia, là hiện thân của những gì Giavê đã hứa với Ítraen, tức là của sự việc các lời hứa ấy được ứng nghiệm. Thế mà Ngài lại bị hãm hại. Trên bình diện tâm lý, Ngài là người công chính bất lực ở trong tay kẻ ác có quyền thế. Trên bình diện tôn giáo, sứ mệnh của Ngài xem ra thất bại. Ngài đã tin tưởng ở Thiên Chúa, mà Thiên Chúa có vẻ như bỏ Ngài rơi vào tay phường ác nhân (x. Kh 2:10-20). Thiên Chúa đang ở đâu?

Giả như Ngài chết như một vị tử đạo, như một anh hùng liệt sĩ, thì đã có được chút an ủi; nhưng đằng này, Ngài phải chịu cực hình như một kẻ nổi loạn, gây rối vì lý do chính trị, điều mà Ngài đã cố tránh cho khỏi. Họ tước vinh dự làm người Do thái của Ngài; là đại diện của Dân Thiên Chúa, Đức Giêsu bị dân ngoại hành quyết. Tệ hơn nữa, Ngài cần trọng trọn giữ Lễ Luật (x. Mt 5:17), mà lại bị Luật kết án và nguyên rủa, buộc tội đã làm ô uế đất Thiên Chúa ban cho Ítraen làm gia nghiệp (x. Đnl 21:22-23). Trên thập giá, Đức Kitô để lộ cho thấy tính chất nước đôi của mọi cách thức thực hành đạo đức ở giữa loài người: Luật Thiên Chúa đặt vào trong tay loài người đã trở thành khí cụ giết chết Con Thiên Chúa! Điều đáng chú ý là công thức tuyên tín xưa nhất của đức tin Kitô giáo cũng nêu lên sự việc: “Đấng Mêsia đã chết” (1Cr 15:3). Như thế, Đấng Thánh của Thiên Chúa (x. Mc 1:24) đã phải chết như một tội nhân. Đó chính là điểm gây trở ngại làm cho Ítraen không thể chấp nhận Ngài là Đấng Thiên sai. Hồi giữa thế kỷ 2, Triphô, người Do thái, đã tranh luận với thánh Giustinô, và đã dùng điểm này làm lý chứng để phủ nhận Đức Giêsu là Đấng Mêsia. Dầu thế, trong Đức Kitô bị đóng đinh giữa hai tên giặc cướp, Kitô giáo đã ngay từ đầu, dứt khoát nhận ra biểu tượng của án quyết chống lại tội lỗi; Ngài thay mặt cho hết mọi nạn nhân của luật pháp, tôn giáo, quốc gia, v.v.

Đức Kitô chết trong cảnh cô đơn. Ngài đã thu hút nhiều môn đồ theo Ngài; nhưng họ đã bỏ trốn đi hết. “Đi tới đâu, là Ngài thi ân giáng phúc tới đó” (Cv 10:38); thế mà lúc ấy, hình như không một ai còn nhớ đến. Ngài biết mình là Mêsia của Ítraen, dân mình; thế mà Ítraen lại chối từ Ngài đê, thay vào đó, đi chọn một hoàng đế ngoại quốc. Thiên Chúa sai Ngài đến để cứu độ dân Người; nhưng giờ đây, tự cứu giúp mình Ngài cũng không thể làm được; rồi tệ hại hơn nữa, Ngài bị coi là có gậy ra cho Ítraen tai họa kinh hồn nhất trong lịch sử dân nước (x. Ga 15:22; Mt 23:37t). Ngài là hiện thân của các lời Giavê hứa với Ítraen: bao nhiêu hy vọng đẹp đẽ đó đều tan biến hết tựa sương mai. Ngài đã áp ú và dẫn thân cho cái lý tưởng cao cả và hấp dẫn nhất trên đời này là xây dựng “Vương quốc của Thiên Chúa.” Lý tưởng ấy bây giờ ở đâu? Nuôi mộng lớn nhất trong lịch sử loài người, giờ đây Đức Giêsu phải chịu thảm bại một cách đáng thương nhất! Làm như Ngài thử hỏi: mình đã hành động sai lệch đi ở chỗ nào? Tại sao kế hoạch lại hỏng đi như thế? Ai chịu trách nhiệm? Mình có làm gì nên tội hay không? Từng ấy và còn bao nhiêu câu hỏi khác không có giải đáp... Ngài bị thử thách trong lòng tin: Thiên Chúa ở đâu? Thế nào là đường lối của Thiên Chúa? Hẳn Đức Giêsu tin rằng Thiên Chúa chăm lo cho chim trời và hoa huệ ngoài đồng (x. Mt 6:26tt), Người ban của tốt lành cho những kẻ kêu xin (x. Mt 7:11); mình đã nài xin Chúa Cha rừ lòng thương cứu sống... hay là mình xin con cá mà Thiên Chúa lại cho con rắn? (x. Mt 7:10).

Chẳng có gì biểu đạt nỗi kinh hoàng Đức Giêsu đã sống qua rõ cho bằng lời thốt lên: “Lạy Thiên Chúa tôi, lạy Thiên Chúa tôi, sao Người bỏ rơi tôi?” (Mc 15:34tt). Tận trong đáy lòng, Ngài cảm thấy như bị áp lực của Tội lỗi bóp nghẹt. Bị Tội lỗi – là “cái khác hẳn” với Ngài – bức ép đến độ Ngài không còn cảm nhận ra nỗi Thiên Chúa là Cha của mình, và đồng thời không còn thấy rõ mình là ai. Đó là mức tột đáy của nỗi cô đơn trên thập giá: xem ra cả đến Thiên Chúa cũng đứng ở phía bên kia.

Thần học do dự trong cách giải thích khi bàn đến vấn đề này:

Quả Thiên Chúa đã bỏ rơi Đức Kitô? Dĩ nhiên là không. Nhưng vấn đề ở đây là khác: Đức Giêsu đã cảm thấy như bị Thiên Chúa bỏ rơi; kinh nghiệm này là cực hình khủng khiếp nhất trong cuộc khổ nạn. Phúc âm cho thấy là chỉ có lần này Đức Giêsu mới gọi Thiên Chúa bằng danh xưng “Thiên Chúa” thay vì bằng “Cha,” vì Ngài đang trải qua kinh nghiệm độc nhất và thương đau ấy về Thiên Chúa. Từ xưa, Kitô giáo đã tỏ ra hơi lúng túng trong chuyện này: nếu nói Thiên Chúa đã bỏ rơi Đức Giêsu thì nghe quá chướng tai; thế nên, thần học đã tìm cách giải thích sao cho thỏa đáng, và nhất là thích đáng hơn với niềm tin Kitô. Vì những lời của Đức Giêsu nói trên thập giá là câu đầu tiên của Thánh vịnh 22, nên nhiều người cho rằng Ngài đã đọc trọn cả Tv 22, với những câu cuối tràn đầy an ủi, phấn khởi. Rốt cuộc: chẳng có gì lạ! Có những người khác lại cho Đức Giêsu nói nhân danh các tội nhân (như Ôrigênê, Xyrillô Alexandria, Augustinô). Cũng có người nghĩ rằng lúc ấy con người Giêsu – tức là nhân tính sắp bị *bỏ rơi* trong mồ – đối thoại với thần tính của Ngài (như Êpiphaniô, Eusêbiô). Rồi cũng có những tác giả suy luận rằng trong tâm lý, Ngài cảm thấy như bị bỏ rơi, nhưng từ trong đáy lòng Ngài biết là Chúa Cha ở với Ngài (Téctullianô, Ambrôsiô, Tôma Aquinô). Có thể nào Thiên Chúa lại bỏ rơi Con Một của Người!

Đã đành đây là mâu thuẫn, vì thế không ai *biết* được điều gì đã xảy ra trong lòng Đức Giêsu. Tuy nhiên, có điều lạ đã xảy ra, đó là: Con Thiên Chúa bị hãm hại mà Trời vẫn im hơi lặng tiếng. Tâm trí Đức Giêsu cảm nhận ra sự kiện này, nhưng không hiểu nổi, và phần con người của Ngài đã kêu lên. Dựa theo Phaolô, thần học có thể giải thích tình cảnh “bỏ rơi” kia như thế này: Nếu Đức Kitô đã trở thành “đồ bị nguyện rủa” (Gl 3:13), nếu Ngài trở thành “hiện thân của tội lỗi” (2Cr 5:21), ắt Thiên Chúa chỉ thánh phải “xa lánh.” Một khi đã đảm nhận sứ mệnh sống liên đới với nhân loại tội lỗi, tất Ngài đã ý thức về hậu quả đắng cay ấy; Ngài đã có thể thấy trước được toàn bộ sứ mệnh, trong đó có sự chết (cả chết trên thập giá nữa) làm thành phần cấu tạo; tuy nhiên, không phải vì thế

mà bây giờ Ngài có thể giữ được lòng mình dửng dưng, không bị xao xuyến đau xót. Sâu xa hơn các nhà thần nghiệm muôn phần, Đức Giêsu đã phải ném “đêm tối” của lòng tin, và phải nắm vững niềm tin tối tăm ấy mà đánh thắng cám dỗ thất vọng đang giày vò.

Quả thế, Ngài đang trải qua cơn cám dỗ cuối cùng. Kẻ thù hồng hách xi và, thách thức Ngài: “Nếu mi là Con Thiên Chúa, thì xuống khỏi thập giá xem nào!... Hấn cậy vào Thiên Chúa, thì bây giờ Người cứu hấn đi” (x. Mt 27:39-44tt). Dù phải liều hết mọi sự, thì Ngài cũng không nhường: đó là vụ đánh cuộc lý do tồn tại của chính con người Ngài. Như trong hết mọi cám dỗ, vấn đề là cách quan niệm về Thiên Chúa. Giả dụ Đức Giêsu nhảy xuống khỏi thập giá, tức là đi lạc con đường của Chúa Cha, thì đám thù địch rồi cũng chẳng tin vào Ngài. Nếu Thiên Chúa là quyền uy, oai hùng, công bằng... thì biến cố thập tự ấy quả thật vô lý. Tuy nhiên, Thiên Chúa thì “khác hẳn” với những gì óc logic hạn hẹp của con người hình dung ra. Chính vì toàn năng, nên Người có thể hiện diện ngay cả trong cảnh vắng mặt, có thể dùng quyền bính (tạo dựng) qua cả sự bất lực, và làm cho sống qua cả sự chết.

Phúc thay cho loài người chúng ta vì Đức Kitô đã thắng vượt cám dỗ và sự chết như người Con trung hiếu, hằng phó thác toàn thân vào trong tay Cha (x. Lc 23:46). Trái với người công chính trong Cựu Ước (“Người công chính sẽ vui mừng thấy Chúa trả oán, họ sẽ rửa chân trong máu ác nhân”: Tv 58:11), Đức Giêsu xin Cha tha cho những kẻ giết mình, thậm chí còn bào chữa cho họ, “vì họ không biết việc họ làm” (Lc 23:34). Lý do là vì dù có đang ở tội đầy khổ ải ấy, thì Ngài cũng vẫn là Đấng Cứu chuộc họ. Lúc mọi sự đều xem như thất bại, hư hỏng, thì tử tính vẫn đứng vững, thắng cuộc; Đức Giêsu vẫn giữ bản sắc làm Con, chính túc hơn cả Abraham: “mặc dầu không còn gì để trông cậy, Ngài vẫn trông cậy và vững tin” (x. Rm 4:18). Và cuối cùng, Đức Giêsu trao phó Thần Khí của mình, hơi thở cuối cùng gói trọn toàn bộ cuộc đời của mình, vào tay Cha, lòng đầy *hy vọng*: hy vọng với xác tín là mọi sự đều có ý nghĩa *trong Cha Ngài*.

Cũng như suốt cuộc đời, trong khi phải đối diện với sự chết, thái độ của Ngài là vâng phục ý Chúa Cha. Bàn về sự chết, thần học không quên lưu ý đến giả thuyết khoa học nói rằng lúc lâm tử, tức là trong giây phút cuối cùng của cuộc đời, làm như sống qua một khoảnh khắc tỉnh táo chớp nhoáng, người sắp chết thấy lại toàn bộ đời mình trong tự do với khả năng chấp nhận hay từ chối Hữu thể Tuyệt đối. Quyết định cuối cùng này thường có giá trị luân lý đối với toàn bộ quá khứ cuộc đời. Như thế, dù không hiểu hết mọi chi tiết, Đức Giêsu đã gói trọn cuộc đời và sứ mệnh của mình vào trong một quyết định duy nhất là vâng phục, để tin tưởng dâng lên Chúa Cha: “Lạy Cha, con xin phó thác hồn con trong tay Cha,” rồi tắt thở (Lc 23:46). Vâng lời vì yêu thương, chứ không phải là cực hình khổ nạn, đã cứu chuộc chúng ta (x. Dt 5:7-10; Pl 2:8-9; Rm 5:19).

Sự chết của Đấng Cứu Thế phải là mẫu mực của đường lối Thiên Chúa. Đức Giêsu chết đi như một người thất bại: Chúa Quan phòng có vẻ như đã bỏ rơi Ngài. Ngài cũng có vẻ như lỡ chân dấn bước vào trong vương quốc Thiên Chúa. Phận mệnh của Ngài có vẻ như đi nghịch lại với những lời Thiên Chúa hứa trong Kinh Thánh. Dù vậy, nơi Đức Kitô, Thiên Chúa đã cứu vớt hết những gì tiêu cực: không đánh vỡ sự ác từ bên ngoài, song là thâm nhập vào bên trong để biến đổi nó. Máccô đã giải thích cho thấy là cuộc chịu chết này có giá trị cứu độ phổ quát: chính vào lúc ác thần có vẻ thắng cuộc, thì lạ thay, bức màn trướng trong Đền thờ xé ra làm đôi từ trên xuống dưới, và một sĩ quan ngoại quốc lớn tiếng tuyên xưng Đức Giêsu là Con Thiên Chúa (x. Mc 15:38-39). Đức tin mọc lên từ tăm tối; “bí mật về Đấng Thiên sai” được bày tỏ công khai. Bấy giờ, Giuse Arimathêa rụt rè đã trở thành mạnh dạn (x. Mc 15:43). Đức Giêsu được táng liệm trong ngôi mộ mới, và cả đến Philatô cũng sẵn sàng hợp tác...

c. Thiên Chúa chết

Thượng Đế mà chết được ư? Nếu Người có thể sống cuộc đời loài người thì cũng có thể chết với cái chết loài người. Chết là hành động của chủ thể: *tôi* chết, chứ không phải chỉ một mình *xác* tôi chết. Thế nên, nếu Đức *Giêsu* là *Ngôi Lời* nhập thể và Ngài đã chết, tất có thể nói là *Ngôi Lời* đã chết. Đây là khía cạnh u uẩn nhất trong mâu nhiệm cuộc từ nạn.

Trong cuộc tranh luận về thần tính của Đức Kitô, các Giáo phụ đã dùng đến cách nói: “Một Vị trong Tam Vị đã bị đóng đinh,” tức muốn nói là một Ngôi Vị trong Thiên Chúa Ba Ngôi đã chết trên thập giá. Qua sự kiện này, toàn năng tính và toàn ái tính của Thiên Chúa tỏ lộ rõ: Người có thể chết đi, và đã chịu chết vì những tạo vật bất nhẫn vô ơn. Thánh Inhã Antiôkia viết: “Trong thời Phong-xiô Philatô và Hêrôđê tiểu vương cầm quyền, Con Thiên Chúa đã thật sự bị đóng đinh trong xác thể vì chúng ta.” Và thánh Êphrem nhận định rằng: “Hiện nay, có kẻ nói chỉ một mình thể xác đã bị treo trên thập giá. Không; tôi tin vững là Đấng thần-nhân đã bị đóng đinh, Ngài đã kêu lên lớn tiếng và tắt thở. Chính Ngài là Thiên Chúa ẩn mình.” Căn cứ vào giáo huấn các Giáo phụ, thần học ngày nay lý giải mâu nhiệm này theo cung cách sau đây: Thiên Chúa vốn bất tử vì bản tính tự hữu của mình, nhưng Người đã trở thành ‘khả tử’ nơi một bản tính khác; nói cách khác: Ngôi Lời bất tử trong thiên tính, nhưng trong nhân tính thì có thể chết được. “Vì Thiên Chúa là tình yêu toàn năng, nên có thể nói là Người nhượng bộ cho ‘sự yếu đuối của tình yêu’. Người có thể chịu khổ chịu chết mà vẫn không bị hủy diệt. Chỉ như vậy Người mới có thể lấy cái chết của mình mà cứu chuộc cái chết của chúng ta. Thánh Áugutinô nhận xét rất đúng khi ngài nói: ‘Khi bị thân chết giết, Ngài giết chết thân chết.’ Vậy, trên thập giá, Thiên Chúa xuất hiện trong tư thế là Đấng hoàn toàn tự do trong tình yêu, hay hơn nữa, như là sự tự do trong tình yêu.” Chân lý này hết sức quan trọng đối với Cứu độ học. Các Giáo phụ thường nhấn mạnh đến điều này là nếu chỉ một con người thường chết vì chúng ta thì chúng ta sẽ

không được cứu độ; chỉ Ngôi Lời mới có thể cứu độ chúng ta qua sự chết của Ngài. Cái chết ấy mạc khải cho thấy trong Đức Kitô, *Thiên-Chúa-cho-con-người* và *con-người-cho-Thiên-Chúa* chỉ là một trong tình yêu hỗ tương. Tình yêu cốt ở việc trao hiến chính mình cho người yêu; tình yêu tuyệt đối là trao hiến chính mình một cách hoàn toàn, tức là thí mạng sống mình một cách trọn vẹn vì người yêu. Là tình yêu (x. 1Ga 4:8), Thiên Chúa đã thí mạng sống vì con người Người yêu thương. Và đáp lại, trong Đức Giêsu, con người đã có thể yêu mến Thiên Chúa cách tuyệt đối, và hiến mạng sống vì vinh quang của Người (x. Ga 10:17; 14:31).

Điều nghịch lý nhất của thập giá là sự kiện này: Thiên Chúa đã chết vì ta. Các tôn giáo hữu thần tin vào một Đấng Thượng đế bất tử, chỉ có các môn đồ Đức Kitô là đi tôn thờ một Đấng Thiên Chúa đã chịu chết. Thánh Augustinô viết: Trong Kitô giáo có nhiều điều khó tin nơi các lời hứa về tương lai, nhưng “khó tin hơn nữa là điều đã xảy ra rồi, đó là việc Thiên Chúa đã chết vì loài người.” Nếu Thiên Chúa đã quyết định trở thành mục tử dân Người (x. Ed 34: 11), thì Người phải là mục tử *nhân lành*, và “mục tử nhân lành thì hy sinh mạng sống mình cho đoàn chiên” (Ga 10:11). Đức Giêsu đã chết như vậy vì Ngài là Thiên Chúa.

Mai táng

Kinh Tin Kính ghi lại cuộc chôn cất Đức Giêsu để nêu bật sự kiện Ngài đã chết thật. Công thức đức tin xưa nhất cũng nói đến: “Rồi Ngài đã được mai táng” (1Cr 15:4). Cả bốn Phúc âm đều kể lại sự việc; Máccô viết:

“Chiều đến, vì hôm ấy là ngày áp lễ, tức là hôm trước ngày sabát, nên ông Giuse tới. Ông là người thành Arimathêa, thành viên có thể giá của hội đồng, và cũng là người vẫn mong đợi Triều Đại của Thiên Chúa. Ông đã mạnh dạn đến gặp tổng trấn Philatô để xin thi hài Đức Giêsu. Nghe nói Ngài đã chết, ông Philatô lấy làm ngạc nhiên, và cho đòi viên đại đội trưởng đến, hỏi xem Ngài đã chết

lâu chưa. Sau khi nghe viên sĩ quan cho biết sự việc, tổng trấn đã cho ông Giuse lãnh lấy thi hài. Ông này mua một tấm vải gai, hạ xác Đức Giêsu xuống, lấy tấm vải ấy liệm Ngài lại, đem đặt vào ngôi mộ đã đục sẵn trong núi đá, rồi lăn tảng đá lấp cửa mộ” (Mc 15:42-46).

Các phúc âm gia khác có ghi thêm một ít chi tiết: Matthêu nói “vải gai *sạch*” và “mộ *mới*” “dành cho ông”; Luca cho biết ông Giuse là người “luong thiện và công chính” và trong mộ “chưa chôn cất ai bao giờ”; còn Gioan thì nói Giuse là môn đồ ngầm kín của Đức Giêsu. Ông Giuse không chôn cất một mình, bởi Luca nói các phụ nữ Galilêa cũng có ở đó; một điểm đáng lưu ý là không thấy các tông đồ có mặt lúc táng xác; Gioan còn cho biết thêm là nghi sĩ Nicôđê mô cũng mang đến chừng 32,5 kg mộc dục trộn với trầm hương.

Mt 27:62-66 còn kể một chi tiết khác: các giới chức Do thái đến xin Philatô truyền lệnh canh mộ, và ông này đã làm theo ý họ, sai lính canh phòng cẩn mật và kỹ lưỡng “niêm phong tảng đá”. Vài thế hệ sau, dư luận còn nhớ đến chi tiết này, chi tiết hữu ích bởi nó giúp củng cố sự kiện sống lại.

Mồ chôn Đức Giêsu tượng trưng cho sự im lặng của Thiên Chúa. Mặt khác, cũng cho thấy Ngài đã đi qua sự chết – vốn là mệnh phận của con người – để liên đới với anh em mình; liên đới với người sống cũng như kẻ chết, Đấng Cứu Thế là niềm hy vọng cho tất cả. Ngài có thể nói: “Ta đã chết và nay Ta sống đến muôn đời” (Kh 1:18). Nơi xác thể Ngài, sự chết và sự sống bắt gặp nhau, vì là xác thể của Ngôi Lời; thánh Gioan Đamátô viết:

“Do sự kiện linh hồn bị chia ly khỏi thân xác khi Chúa Kitô chết, bản ngã độc nhất của Ngài không vì thế mà bị chia làm hai bản vị: vì thân xác và linh hồn của Chúa Kitô đã hiện hữu với tư cách đó ngay từ lúc đầu trong ngôi vị của Ngôi Lời; cho nên, trong sự chết, dù bị chia lìa nhau, xác và hồn đó vẫn thuộc về ngôi vị độc nhất của Ngôi Lời” (*Sách Giáo Lý*, số 626).

Do vậy, thời gian nằm trong mồ, thân xác Đức Giêsu không

phải là một tử thi như các xác chết khác, “vì thần lực của Chúa đã giữ cho thân xác Đức Kitô khỏi bị hư nát” (thánh Tôma Aquinô); thân xác ấy vẫn là mầm giống hy vọng. “Nhờ phép Thánh tầy được mai táng với Đức Kitô” (Rm 6:4) – điều này hiện rõ qua biểu tượng chìm dưới nước khi chịu Phép Rửa – Kitô hữu được sống lại trong sự sống mới nhờ và với Chúa Phục sinh.

Cuối cùng, cũng nên lưu ý đến một vài chi tiết khác: Đức Giêsu chết rồi thì hết nhục nhã; bây giờ thì hài còn được đối đãi tử tế, trân trọng nữa. Hoa quả cứu độ cũng xuất hiện: viên sĩ quan Rôma lớn tiếng tuyên xưng: “Quả thật, người này là Con Thiên Chúa” (Mc 15:39). Cũng ngày hôm ấy, Hêrôđê và Philatô “bắt đầu thân thiện với nhau, chứ trước kia hai bên vẫn hiềm thù” (Lc 23:12). Và dù nhóm tông đồ lẫn trốn vì sợ, thì các phụ nữ vẫn trung thành, và hai môn đồ ngấm kín – Nicôđê mô và Giuse Arimathêa – ngang nhiên ra mặt phục vụ Thầy mình. Như xác Chúa ở trong lòng đất, những hạt giống đức tin ở trong lòng các môn đồ này sẽ đâm chồi nảy lộc xanh tốt những ngày sau đó.

ĐỨC GIÊSU XUỐNG NGỤC TỔ TÔNG

Dù Kinh Tin Kính các Tông đồ nêu rõ, tín điều này cũng thường bị lãng quên. Tín biểu Nixê không ghi công thức này, nhưng lại đọc thấy bên Đông phương. Xuất xứ từ Kinh Thánh, như đọc thấy ở trong Thư thứ nhất của thánh Phêrô (x. Pr 3:18tt), chân lý Đức Kitô “xuống ngục” đã từng được Giáo hội xác nhận và ghi vào trong giáo lý chính thức của đức tin (x. DS 801, 852, 1077), dù có xem ra như là chuyện thần thoại và bị một số tác giả coi như là một *mythologem* lỗi thời. Ý nghĩa Kitô học là Đức Giêsu đã chết thật sự; ý nghĩa cứu độ học là Ngài đã chết cho mọi người. Có thể đó không phải là một biến cố tách riêng, nhưng là thành phần nằm trong mầu nhiệm Phục sinh, một khía cạnh của biến cố chết đi và sống lại của Đức Kitô. Qua sự chết và sự sống lại, Đức Kitô đã sống qua kinh nghiệm liên đới với những thế hệ quá vãng;

đồng thời, lập nên dây liên đới giữa mọi người thuộc mọi thời đại; từ thân đã thua. Từ nay, tác động cứu độ của Đức Kitô trải rộng ảnh hưởng đến với hết mọi người; từ nay, đức công chính của Thiên Chúa chung quyết thắng cuộc.

Bản văn chủ yếu nêu lên chân lý là 1Pr 3:19-20. Đành rằng hình thức diễn tả chân lý làm cho liên tưởng đến thế giới huyền thoại, dựa theo vũ trụ quan thời xưa để quan niệm trời ở trên, địa ngục ở dưới; nhưng qua đó, mạc khải muốn cho hiểu rằng Đức Giêsu đã chết thật sự, đã đi ngang qua tình trạng “tiêu cực tột cùng” hoàn toàn bất lực, với con người bị xé đôi hồn xác chia tách riêng rời. Theo quan niệm của Cựu Ước (quan niệm của Đức Giêsu!), *Sheol* là “nhà hội ngộ của hết mọi nhân sinh” (G 30:23), nơi tất thảy chư sinh đều phải xuống (x. Ed 31:14) để mà cảm nếm cảnh bất lực thất vọng, vì “Thiên Chúa lãng quên” những kẻ ở địa ngục (x. Tv 6:6; 38:6; 88:6-9 v.v.). Các nền văn hóa vùng Địa Trung Hải ngày xưa cũng tin như vậy. Lúc đầu, người ta quan niệm cho rằng ở *Sheol* hết thảy đều chịu số phận như nhau: “Mọi người đều như nhau, cùng chung một số phận, người công chính cũng như đũa gian tà, người tốt cũng như kẻ xấu”(Gv 9:2tt). Rồi dần dần, dân Do thái đã tin là phận mệnh của người công chính thì khác (x. Lc 16: 19tt: dụ ngôn về Ladarô cùng khốn). Trái với các ngụ thư Do thái thời ấy (x. 1-2Henoc, 2Esdra, 2-3Baruch, v.v.), thư 1Pr rất chùng mịch, không mô tả nơi chốn mà chỉ nói về các người quá cố và về Đức Kitô Đấng giải phóng họ: “Đức Kitô đã đến rao giảng cho các vong linh bị giam cầm, tức là các người xưa kia đã không vâng phục Thiên Chúa... thời ông Nôê” (1Pr 3:19-20). Chúa xuống ngục để mang cho họ Tin mừng mà Ngài đã rao giảng ở trên đời này; nói cách khác, để ban tặng cho họ ơn cứu rỗi do công đức của sự chết trên thập giá. “Giảng Tin mừng” là loan báo ơn cứu độ. Những kẻ ngày xưa – trong thời ông Nôê – đã không vâng phục, tượng trưng cho thế hệ tội lỗi bị hư mất vô phương cứu chữa, theo cách hiểu của truyền thống Do thái. Thế mà 1Pr cho biết rằng cả họ nữa cũng có thể được cứu độ; nói cách khác: vì Đức Kitô đã chết cho mọi người, nên mọi người đều có

thể được cứu độ bằng những cách thể không ai có thể tưởng tượng được. Mặt khác, vì Đức Kitô là Đấng “phán xét kẻ sống và kẻ chết,” mà tiêu chuẩn của cuộc phán xét ấy là Tin mừng, nên trước đó, “kẻ chết” cũng cần phải được nghe công bố Tin mừng (x. 1Pr 4:5-6).

Đức Kitô không chỉ chết như một con người thường (“vì mọi phạm nhân đều như cỏ và tất cả vinh quang của họ đều như hoa cỏ; cỏ thì khô héo, hoa thì tàn rụi”: 1Pr 1:24), mà còn như một tội nhân (x. 2Cr 5:31; 1Pr 2:24). Con Thiên Chúa nhập thể đã trở thành một vong linh, kém thua một con người, lại còn bị ràng buộc với vật chất. Đức Kitô đã trút bỏ hết toàn thân mình (x. Pl 2:6), đã đạt tới tột đáy của tạo vật. Jean Calvin cho rằng khi chết, Đức Kitô đã phải nếm “những cực hình ghê gớm của đọa nhân [trong hỏa ngục] và chịu thống khổ tựa như người mất linh hồn.” Không, Đức Kitô không xuống “hỏa ngục” như kẻ bị đọa hình, song là xuống với “tổ tiên,” những người đã sống trước thời Ngài, và trong tư cách là Đấng Cứu tinh của họ.

Các Giáo phụ thường lý giải ba khía cạnh của mầu nhiệm này như sau:

— Đức Kitô rao giảng Tin mừng cho kẻ chết có nghĩa là Ngài hoàn tất sứ mệnh cứu độ đối với mọi người.

— Đó là biểu tượng của phép Thánh tẩy, là khí cụ cứu rỗi dành cho kẻ “chết,” và có lẽ cũng ám chỉ đến nghi thức lạ thường gặp thấy thời các thế hệ Kitô đầu tiên – ít là ở Côrintô – là chịu phép rửa thay cho kẻ chết (x. 1Cr 15:29).

— Ngài đánh thắng tử thần và quyền lực tối tăm; bởi đã thực sự là Chúa tể càn khôn (x. Ep 4:8-10); từ đây, Đức Kitô nắm “giữ chìa khóa của Tử thần và Âm phủ” (Kh 1:18).

Như vậy, qua biến cố chết đi, Đức Kitô thông hiệp với trung tâm của tạo vật, dù là tội lỗi; Ngài không còn bị giam hãm trong

giới hạn của thể xác; cả vũ trụ làm như đã trở thành thân mình Ngài; và như thế, Đấng Cứu độ có thể giải phóng hết mọi tạo vật. Xuống âm phủ là Đức Kitô giải phóng toàn bộ lịch sử loài người, tước đoạt lợi phẩm của thần Tội và thần Chết (x. 1Cr 15:54-56); thế là công cuộc cứu chuộc trọn vẹn thành tựu (x. Ep 4:9-10). Đức Kitô cứu rỗi loài người qua đường lối liên đới: mặc lấy thân phận người phạm để cứu người phạm; mặc lấy thân phận kẻ chết để cứu các kẻ chết. Qua hình ảnh *xuống* ngục và *lên* trời, đức tin tỏ ra Đức Kitô đã phá hoại sự chia rẽ: trời-đất-ngục; Ngài giải phóng tất cả, hòa giải tất cả, liên kết tất cả nơi Ngài.

Rốt cuộc, dù được biểu đạt bằng ngôn ngữ có vẻ thần thoại và tối nghĩa, thì tín điều này cũng hùng hồn nêu bật phổ quát tính của công trình cứu độ, và việc Đức Kitô hằng công hiến cho mọi người cơ hội đón nhận ơn thánh (x. 1Pr 4:6). 1Pr 3:19 ghi rằng Đức Kitô “giảng cho các *pneumata* bị giam cầm”; mà *pneumata* thì có thể hiểu là các vong linh hay là các quỷ thần. Nếu hiểu là “quỷ thần” thì Đức Giêsu đã loan báo cho chúng biết Đấng Cứu tinh đã tước hết quyền của chúng, chúng không còn có hy vọng gì nữa (x. 2Pr 2:4; Gđ 6). Cuối cùng, bản văn Kinh Thánh này cũng được dùng để củng cố giáo thuyết *apokatástasis*, “phục nguyên vạn vật.”

1Pr nói về các *tội nhân*; nhưng, khi trình tả các hiện tượng xảy ra lúc Đức Giêsu chết và việc những người sống lại, Mt 27:52tt ghi là: “các vị *thánh* đã an nghỉ được chỗi dậy.” Ý nói là các thánh thuở xưa chỉ được hưởng ơn cứu độ nhờ Đức Kitô và sau khi được cứu chuộc, nghĩa là *cùng lúc* với các kitô hữu (x. Dt 11:39-40; 12:23).

* * *

Trước biến cố thập giá, dù suy đi nghĩ lại, bao nhiêu câu hỏi *tại sao?* vẫn còn đứng thách đố trí khôn và lòng tin. Lúc đầu các tông đồ cũng chỉ biết nói: “Theo kế hoạch Thiên Chúa đã định và biết

trước, Đức Giêsu ấy đã bị nộp, và anh em đã dùng bàn tay kẻ dữ đóng đinh Ngài vào thập giá mà giết đi. Nhưng Thiên Chúa đã làm cho Ngài sống lại, giải thoát Ngài khỏi những đau khổ của cái chết” (Cv 2:23-4). Thập giá được cấu tạo bởi hai cây gỗ: cây dọc là lòng thương xót của Thiên Chúa, và cây ngang là tội lỗi chúng ta. Kết quả là Con Người bị ám sát và con người được cứu rỗi.

Kitô hữu phải cố gắng đồng nhất hóa với Đức Kitô, phần nào có thể; thập giá là biểu tượng chung cấu tạo căn tính của chúng ta: làm giầu Thánh Giá khi bắt đầu và kết thúc mọi sự, khi ăn cơm hoặc đi ngủ, khi ban phép lành hoặc lúc cầu nguyện, v.v. Nhà thờ, phòng hội, v.v., đều có thánh giá là giầu hiệu Kitô giáo. Ước chi chúng ta bắt chước thánh Phaolô, mà “không muốn biết gì khác ngoài Đức Giêsu Kitô chịu đóng đinh vào thập giá” (1 Cor 2:2).

Suy tư thần học

Đức Giêsu chết, và nhất là chết trên thập giá, tiết lộ việc Ngôi Con Thiên Chúa tự hạ mình xuống trở thành con người phàm, hơn nữa mặc lấy thân phận của một nô lệ phải chết, và phải chết nhục nhã trên thập tự. Thánh Phaolô trình bày mẫu nhiệm “hư không hóa” trong thư Pl 2. Sự việc Ngôi Lời tự hư không hóa đã đặt thần học trước yêu cầu phải thay đổi cách quan niệm về Thiên Chúa. Đã đành, bất cứ cách quan niệm nào về Thiên Chúa thì cũng đều bất toàn và cần được bổ túc bởi những hiểu biết về các khía cạnh khác. Mẫu nhiệm nhập thể làm cho thấy ý niệm “bất biến” về Thiên Chúa cần phải được bổ túc bằng ý niệm “trở thành.” Thêm nữa, nếu chi có thể biết Thiên Chúa cách chính xác qua Đức Kitô, thì Thiên Chúa *đối với chúng ta* xuất hiện như là một Đấng Thiên Chúa có những đổi thay.

Mẫu nhiệm *kénosis* (tự hủy) cũng dạy cho biết về những thuộc tính sâu thẳm nhất của Thiên Chúa là tự do và tình yêu. Tự do của Thiên Chúa *nhập thể* đã diễn tiến ra trong lịch sử qua sứ mệnh

hoặc tác vụ để Ngài thành tựu chính mình. Vì vậy, dù vốn dĩ là Thiên Chúa, Đức Kitô cũng đã phải đi qua sự sống lại để “trở thành” Chúa (x. Cv 2:36); dù vốn là hoàn hảo, Ngài cũng đã phải đi qua cuộc tử nạn để trở nên hoàn hảo (x. Dt 5:8-9). Dung mạo qua đó Thiên Chúa *lộ hiện* với chúng ta là như vậy.

Tình yêu làm cho Thiên Chúa tự giới hạn chính mình. Tạo dựng con người tự do là một phần nào đó Đấng Tạo hóa đặt tự do của mình vào trong tình trạng bị giới hạn bởi tự do thọ tạo. Và như thế, tạo vật tự do có thể chối bỏ Người, ám sát Người, xua đuổi Người ra khỏi các hệ thống chính trị, văn hóa, đạo đức học, tôn giáo, v.v. Nhưng vì quá yêu thương con người, Thiên Chúa đã không phản ứng, không tự vệ, không cứu Con mình cho khỏi thập giá.

Giáo hội cũng cần phải áp dụng quy luật hư không hóa cho chính mình. Trong Tân Ước, các bản văn nói về mẫu nhiệm này đều đọc thấy ở trong văn cảnh khuyên nhủ và khích lệ: Đức Kitô được giới thiệu như là mẫu gương để bắt chước. Thư Do thái khuyên: “Ta hãy ra khỏi trại mà đến với Ngài, cam lòng gánh vác nỗi khổ nhục Ngài đã chịu” (Dt 13,13). Nếu là “bộ mặt” của Đức Kitô ở giữa thế gian (x. LG 1; 15; GS 43), ắt Giáo hội phải tự giới thiệu bằng cách sống hết như Thầy mình đã làm ở trong xã hội của Ngài. Hơn nữa, Giáo hội được xây dựng qua Thánh thể, là hy lễ qua đó, Đức Kitô tự hư không hóa đến tột độ: Ngài trút bỏ hết mọi sự, cả đến thân phận tôi đòi; Ngài đã trở nên “một sự vật” để phục vụ mọi người, và giữ im lặng tuyệt đối. Do vậy, là thân của Đầu, Giáo hội càng có bổn phận phải đồng nhất hóa chính mình với nghĩa cử tự hư không hóa của Đức Kitô.

Con đường tự hủy này cũng là con đường mỗi môn đồ, mỗi kitô hữu phải dần bước vào. Thánh Phaolô khuyên các tín hữu “hãy bắt chước tôi như tôi bắt chước Đức Kitô” (1Cr 11:1; x. 4:16; Ep 5:1; Pl 3:17), và coi mình như người bị đóng đinh (x. Gl 2:19; 6:14, v.v.). Quả thế, kitô hữu là người đã “chết” cho thế gian (x. Cl 2:20; 3:3; Rm 6:8, v.v.) và đã cùng chết với Đức Kitô trên thập giá

(x. Rm 6:6; Gl 5:24). Thời xưa cũng như thời nay, trong cũng như ở ngoài Giáo hội, ít có ai chịu đón nhận “Tin mừng” nghe ra chướng tai như thế, bởi nó buộc phải khiêm hạ để trút bỏ đi ảo tưởng về một Giáo hội vinh quang, về một vương quốc Thiên Chúa thành tựu ngay ở dưới đất này. Con đường tự hủy ấy cũng là con đường của lễ lối hoạt động tông đồ (x. 1Cr 1:17tt; Ph 3:10, v.v.). Các chuyên viên soạn thảo phương án mục vụ ít khi thấy hứng thú để áp dụng lễ lối ấy. Duy chỉ các thánh mới tin và áp dụng lễ lối của Đức Kitô. Thế mà, chính con đường tự hủy ấy là con đường ngắn nhất đưa mọi người đến gặp gỡ với Đức Kitô, bởi nơi nào có khổ đau, bản hàn, thì ở đó có Ngài.

Cuối cùng, con đường hư không hóa này tuyệt đối không phải là một dạng của thói khoái chịu khổ bệnh hoạn, hay là một cách biểu hiện thái độ ngưỡng mộ mù quáng trước ‘cái’ vô lý; trái lại, đó chính là năng động lực của thực tế: duy chỉ những ai chịu chết (với người cũ) thì mới có thể sống lại (thành người mới). Lễ lối hư vô hóa là một *con đường* chứ không phải là một *mục đích*, là phương pháp để cứu vớt nhân loại khổ đau, vì chỉ có tình yêu mới dám sẵn sàng quên mình, bỏ mình, mới có thể cứu độ xã hội loài người.

TRONG SỐ NÀY

Lời Nói Đầu.....	1
Khái quát về Kinh Tin Kính.....	7
Tôi tin kính một Thiên Chúa.....	18
Tôi tin kính Đức Giêsu Kitô.....	64
Sinh bởi Đức Trinh Nữ.....	84
Chịu nạn thời Phongxiô Philatô.....	105
Sống lại.....	139
Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần.....	175
Tôi tin có Hội Thánh.....	203
Tôi tin Phép tha tội.....	232
Tôi tin xác loài người sống lại.....	243

HTTH Số 38 & 39 Năm XV (2005)

Với phép Bề Trên cho tham quyền